

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của UBND xã Quảng Tùng**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG TÙNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Quảng Bình về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ từ đầu năm 2023 đến nay;

Theo đề nghị của công chức Văn phòng – Thống kê xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Quảng Tùng năm 2023 như sau:

- Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: 35 lĩnh vực, 193 thủ tục.

(Phụ lục I kèm theo)

- Danh mục các TTHC đặc thù không thực hiện tiếp nhận tại bộ phận Một cửa: 01 lĩnh vực, 07 thủ tục

(Phụ lục II kèm theo)

- Danh mục TTHC các đơn vị thuộc đối tượng khuyến khích, hiện chưa thực hiện được việc tiếp nhận tại bộ phận Một cửa: 0 lĩnh vực, 0 thủ tục.

(Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, các cán bộ, công chức, tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Ban ngành, đoàn thể;
- Các trưởng thôn;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Tưởng Thanh Tỉnh

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
(Tổng số TTHC của UBND xã: 35 lĩnh vực, 193 thủ tục)
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
UBND xã Quảng Tùng)

1			
LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG			
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	1.010825.000.00.00.H46	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	Sở Lao động - TB&XH, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
2	1.010772.000.00.00.H46	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	Bộ Công an;Bộ Quốc phòng;Văn phòng Chính phủ;UBND tỉnh Quảng Bình;Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - tỉnh Quảng Bình;Thủ tướng Chính phủ;UBND cấp huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình;Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình;UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
3	1.010781.000.00.00.H46	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;Bộ Công an;Bộ Quốc phòng;Văn phòng Chính phủ;UBND tỉnh Quảng Bình;Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - tỉnh Quảng Bình;Thủ tướng Chính phủ;UBND cấp huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình;Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình;UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
4	1.010774.000.00.00.H46	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;Văn phòng Chính phủ;UBND tỉnh Quảng Bình;Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - tỉnh Quảng Bình;Thủ tướng Chính phủ;UBND cấp huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình;Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, thị xã, thành phố - tỉnh

			Quảng Bình;UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
5	1.010814.000.00.00.H46	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - tỉnh Quảng Bình;Cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc;UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
6	1.010777.000.00.00.H46	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;Văn phòng Chính phủ;UBND tỉnh Quảng Bình;Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - tỉnh Quảng Bình;Thủ tướng Chính phủ;Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình;UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
7	1.010833.000.00.00.H46	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	UBND xã
8	1.010778.000.00.00.H46	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;Văn phòng Chính phủ;UBND tỉnh Quảng Bình;Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - tỉnh Quảng Bình;Thủ tướng Chính phủ;Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình;UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
9	1.010810.000.00.00.H46	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Sở Lao động - TB&XH, Sở Y tế, Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh, UBND huyện, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
10	1.010817.000.00.00.H46	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Sở Lao động - TB&XH, Sở Y tế, Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh, UBND huyện, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
11	1.010818.000.00.00.H46	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Sở Lao động - TB&XH, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
12	1.010788.000.00.00.H46	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - tỉnh Quảng Bình;Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;UBND cấp huyện, thị xã, thành phố - tỉnh

			Quảng Bình;UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
13	1.010815.000.00.00.H46	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - tỉnh Quảng Bình;UBND cấp huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình;UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng
14	1.010816.000.00.00.H46	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Sở Lao động - TB&XH, Sở Y tế, Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh, UBND huyện, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
15	1.010830.000.00.00.H46	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Sở Lao động - TB&XH, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
16	1.010829.000.00.00.H46	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Sở Lao động - TB&XH, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
17	1.010821.000.00.00.H46	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Sở Lao động - TB&XH, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
18	1.010820.000.00.00.H46	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Sở Lao động - TB&XH, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
19	1.010819.000.00.00.H46	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Sở Lao động - TB&XH, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
20	1.004964.000.00.00.H46	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia	UBND tỉnh Quảng Bình, Sở Lao động - TB&XH, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
21	1.010803.000.00.00.H46	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Sở Lao động - TB&XH, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
22	1.010805.000.00.00.H46	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Sở Lao động - TB&XH, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã

23	1.010804.000.00.00.H46	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Sở Lao động - TB&XH, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
24	1.001257.000.00.00.H46	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Sở Lao động - TB&XH, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
25	1.005387.000.00.00.H46	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.	Sở Lao động - TB&XH, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
26	1.010824.000.00.00.H46	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - tỉnh Quảng Bình; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình; UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
27	1.010780.000.00.00.H46	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - tỉnh Quảng Bình; Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh; Hội đồng giám định y khoa trung ương; UBND cấp huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình; UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
28	1.010832.000.00.00.H46	Thăm viếng mộ liệt sĩ	Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
29	1.010783.000.00.00.H46	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND tỉnh Quảng Bình; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - tỉnh Quảng Bình; UBND cấp huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình; Phòng Lao động -

			Thương binh và Xã hội cấp huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình; UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
30	1.010812.000.00.00.H46	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Sở Lao động - TB&XH, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
31	2.001396.000.00.00.H46	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	UBND tỉnh Quảng Bình, Sở Nội vụ, Sở Lao động - TB&XH, Phòng Nội vụ huyện, UBND xã
32	2.001157.000.00.00.H46	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	UBND tỉnh Quảng Bình, Sở Nội vụ, Sở Lao động - TB&XH, Phòng Nội vụ huyện, UBND xã
2	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	1.001758.000.00.00.H46	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
2	1.000506.000.00.00.H46	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	UBND xã
3	1.000489.000.00.00.H46	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	UBND xã
4	2.000355.000.00.00.H46	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	UBND xã
5	1.001653.000.00.00.H46	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	UBND xã
6	1.001731.000.00.00.H46	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	UBND huyện, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
7	1.001739.000.00.00.H46	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	UBND huyện, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
8	1.001753.000.00.00.H46	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
9	1.001776.000.00.00.H46	Thực hiện điều chỉnh, thời hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	UBND huyện, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
10	2.000286.000.00.00.H46	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Sở Lao động - TB&XH, Cơ sở trợ giúp xã hội huyện, UBND huyện, UBND xã

		cấp tỉnh, cấp huyện	
11	1.001310.000.00.00.H46	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	Sở Lao động - TB&XH, Cơ sở trợ giúp xã hội, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
12	2.000744.000.00.00.H46	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
13	2.000751.000.00.00.H46	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	UBND xã
14	1.001699.000.00.00.H46	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	UBND xã
15	2.000602.000.00.00.H46	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	UBND xã
3	LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	1.004441.000.00.00.H46	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	UBND xã
2	1.004443.000.00.00.H46	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	UBND xã
3	2.001810.000.00.00.H46	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	UBND xã
4	1.004485.000.00.00.H46	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	UBND xã
5	1.004492.000.00.00.H46	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	UBND xã
4	LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM		
1	1.011445.000.00.00.H46	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	Văn phòng Đăng ký đất đai - tỉnh Quảng Bình; Chi nhánh VP ĐKĐĐ các huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình; UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
2	1.011441.000.00.00.H46	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Văn phòng Đăng ký đất đai - tỉnh Quảng Bình; Chi nhánh VP ĐKĐĐ các huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình; UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
3	1.011442.000.00.00.H46	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo	Văn phòng Đăng ký đất đai -

		đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	tỉnh Quảng Bình;Chi nhánh VP ĐKĐĐ các huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình;UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
4	1.011444.000.00.00.H46	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Văn phòng Đăng ký đất đai - tỉnh Quảng Bình;Chi nhánh VP ĐKĐĐ các huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình;UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
5	1.011443.000.00.00.H46	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Văn phòng Đăng ký đất đai - tỉnh Quảng Bình;Chi nhánh VP ĐKĐĐ các huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình;UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
5	LĨNH VỰC TRẺ EM		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	1.004946.000.00.00.H46	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Sở Lao động - TB&XH, Công an Xã, Công an huyện, Công an Tỉnh, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
2	1.004944.000.00.00.H46	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Sở Lao động - TB&XH, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
3	2.001942.000.00.00.H46	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Sở Lao động - TB&XH, Cơ quan công an đăng ký, UBND huyện, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
4	1.004941.000.00.00.H46	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	UBND xã
5	2.001947.000.00.00.H46	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Sở Lao động - TB&XH, Công an Xã, Công an huyện, Công an Tỉnh, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
6	2.001944.000.00.00.H46	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	UBND xã
6	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	1.008004.000.00.00.H46	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	UBND xã
7	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI		

TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	1.002314.000.00.00.H46	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (cấp huyện)	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện, UBND xã
2	1.003620.000.00.00.H46	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Bình, Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện, UBND xã
3	1.003572.000.00.00.H46	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “dồn điền đổi thửa” (đồng loạt)	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Bình, Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện, UBND xã
4	2.000365.000.00.00.H46	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện, UBND xã
5	1.003595.000.00.00.H46	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện, UBND xã
6	1.002214.000.00.00.H46	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện, UBND xã
7	1.002335.000.00.00.H46	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cấp huyện	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện, UBND xã
8	1.003554.000.00.00.H46	Hòa giải tranh chấp đất đai (cấp xã)	UBND xã
9	1.002989.000.00.00.H46	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, UBND xã

10	1006648	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đối với diện tích đất tăng thêm so với giấy tờ về quyền sử dụng đất và ranh giới thửa đất đang sử dụng có thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất đối với trường hợp thửa đất gốc hoặc diện tích tăng thêm hoặc toàn bộ diện tích của thửa đất gốc và diện tích đất tăng thêm chưa được cấp Giấy chứng nhận (Cấp huyện)	UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện, UBND xã
11	1.003877.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	Sở Tài nguyên và Môi trường - tỉnh Quảng Bình; Chi nhánh VP ĐKĐĐ các huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình; UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
12	2.000348.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình; Chi nhánh VP ĐKĐĐ các huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình; UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
13	1.003855.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện, UBND xã
14	1.003907.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện, UBND xã
15	1006637	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai đối với trường hợp có thay đổi hiện trạng về ranh giới sử dụng đất (thẩm quyền công nhận việc	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND xã

		thay đổi ranh giới thửa đất của UBND tỉnh)	
16	1006642	Thủ tục xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận (cấp tỉnh - huyện - xã)	Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện, UBND xã
17	1.003013.000.00.00.H46	Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện, UBND xã
8	LĨNH VỰC HỘ TỊCH		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	2.000635.000.00.00.H46	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch	Sở Tư pháp - tỉnh Quảng Bình, UBND cấp huyện, UBND xã
2	1.000110.000.00.00.H46	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	UBND xã
3	1.005461.000.00.00.H46	Đăng ký lại khai tử	UBND xã
4	2.001023.000.00.00.H46	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Bảo hiểm xã hội cấp huyện, UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
5	2.000986.000.00.00.H46	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Bảo hiểm xã hội cấp huyện, Cơ quan công an đăng ký, UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
6	1.004873.000.00.00.H46	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	UBND xã
7	1.004845.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	UBND xã
8	1.004837.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký giám hộ	UBND xã
9	1.000894.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký kết hôn	UBND xã
10	1.000094.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	UBND xã
11	1.000593.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	UBND xã
12	1.001193.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã
13	1.004772.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	UBND xã
14	1.000689.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	UBND xã
15	1.003583.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	UBND xã
16	1.000656.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký khai tử	UBND xã
17	1.004827.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	UBND xã
18	1.000419.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	UBND xã
19	1.004746.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	UBND xã
20	1.004884.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	UBND xã

21	1.001022.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	UBND xã
22	1.000080.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	UBND xã
23	1.004859.000.00.00.H46	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	UBND xã
24	2.002516.000.00.00.H46	Xác nhận thông tin hộ tịch	Sở Tư pháp - tỉnh Quảng Bình;UBND cấp huyện, thị xã, thành phố - tỉnh Quảng Bình;UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
9	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	1.003930.000.00.00.H46	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Sở Giao thông vận tải, UBND huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện,UBND xã
2	1.006391.000.00.00.H46	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Sở Giao thông vận tải, UBND huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện,UBND xã
3	1.003970.000.00.00.H46	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Sở Giao thông vận tải, UBND huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện,UBND xã
4	1.004002.000.00.00.H46	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Sở Giao thông vận tải, UBND huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện,UBND xã
5	1.004036.000.00.00.H46	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải, UBND huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện,UBND xã
6	2.001711.000.00.00.H46	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Sở Giao thông vận tải, UBND huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện,UBND xã
7	1.004047.000.00.00.H46	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải, UBND huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện,UBND xã
8	1.004088.000.00.00.H46	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải, UBND huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện,UBND xã
9	2.001659.000.00.00.H46	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Sở Giao thông vận tải, UBND huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện,UBND xã
10	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	2.001255.000.00.00.H46	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	UBND xã

2	2.001263.000.00.00.H46	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	UBND xã
3	1.003005.000.00.00.H46	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	UBND xã
11	LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	2.002165.000.00.00.H46	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	UBND xã
12	LĨNH VỰC ĐẦU THẦU		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	1006516	Gửi thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng (cấp xã)	UBND xã
2	1006469	Nhà thầu được tự gửi văn bản làm rõ về năng lực, kinh nghiệm của mình mà không cần có văn bản yêu cầu làm rõ từ bên mời thầu (cấp xã)	UBND xã
3	1006447	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (cấp Xã)	UBND xã
4	1006470	Thủ tục tiếp nhận HSDT trong trường hợp nhà thầu tham dự thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT từ Bên mời thầu	UBND xã
5	1006467	Thương thảo hợp đồng trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (cấp xã)	UBND xã
13	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	1.010941.000.00.00.H46	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
2	2.001661.000.00.00.H46	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	
3	1.000132.000.00.00.H46	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	
14	LĨNH VỰC VIỆC LÀM		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	1.008362.000.00.00.H46	Hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	UBND tỉnh Quảng Bình, Sở Lao động - TB&XH, UBND huyện, Phòng Lao động - TB&XH huyện, UBND xã
15	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện

1	2.002163.000.00.00.H46	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	UBND xã
2	1.010091.000.00.00.H46	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	UBND xã
3	2.002162.000.00.00.H46	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	UBND xã
4	2.002161.000.00.00.H46	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	UBND xã
5	1.010092.000.00.00.H46	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	UBND xã
16	LĨNH VỰC THỦY LỢI		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	2.001621.000.00.00.H46	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	UBND xã
2	1.003446.000.00.00.H46	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	UBND xã
3	1.003440.000.00.00.H46	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	UBND xã
17	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	1.010736.000.00.00.H46	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	UBND xã
18	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	2.002228.000.00.00.H46	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	UBND xã
2	2.002226.000.00.00.H46	Thông báo thành lập tổ hợp tác	UBND xã
3	2.002227.000.00.00.H46	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	UBND xã
19	LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện

1	2.000206.000.00.00.H46	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	UBND xã
2	2.000184.000.00.00.H46	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND xã	UBND xã
20	LĨNH VỰC QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	1.008456.000.00.00.H46	Thủ tục hành chính cung cấp thông tin quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	UBND xã
21	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	2.000942.000.00.00.H46	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Phòng Tư pháp huyện, UBND xã
2	2.000815.000.00.00.H46	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp huyện, UBND xã
3	2.000884.000.00.00.H46	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp huyện, UBND xã
4	2.001019.000.00.00.H46	Thủ tục chứng thực di chúc	UBND xã
5	2.001035.000.00.00.H46	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã
6	2.001009.000.00.00.H46	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã
7	2.001406.000.00.00.H46	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã
8	2.001016.000.00.00.H46	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	UBND xã
9	2.000913.000.00.00.H46	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Phòng Tư pháp huyện, UBND xã
10	2.000927.000.00.00.H46	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Phòng Tư pháp huyện, UBND xã
22	LĨNH VỰC THẺ DỤC THỂ THAO		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện

1	2.000794.000.00.00.H46	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	UBND xã
23	LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	2.001449.000.00.00.H46	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	UBND xã
2	2.000373.000.00.00.H46	Thủ tục công nhận hòa giải viên	UBND xã
3	2.000333.000.00.00.H46	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	UBND xã
4	2.001457.000.00.00.H46	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	UBND xã
5	2.002080.000.00.00.H46	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	UBND xã
6	2.000350.000.00.00.H46	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	UBND xã
24	LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	2.002409.000.00.00.H46	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	UBND xã
25	LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT TỔ CÁO		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	2.002396.000.00.00.H46	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	UBND xã
26	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	2.002400.000.00.00.H46	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	
2	2.002403.000.00.00.H46	Thủ tục thực hiện việc giải trình	
3	2.002402.000.00.00.H46	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	
4	2.002401.000.00.00.H46	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	
27	LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	1006717	Thủ tục liên thông về đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí	Sở Lao động-TB&XH, Bảo hiểm XH tỉnh, Bảo hiểm XH huyện, UBND huyện, Phòng Lao động-TB&XH huyện, UBND xã
2	1006716	Thủ tục liên thông về đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú	Công an Xã, Công an huyện, UBND xã
3	1006714	Thủ tục liên thông về đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí	Sở Lao động-TB&XH, Công an Xã, Công an huyện, Bảo hiểm XH huyện, Bảo hiểm XH tỉnh, UBND huyện, Phòng Lao động-TB&XH huyện, UBND xã
28	LĨNH VỰC THƯ VIỆN		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	1.008903.000.00.00.H46	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	UBND xã

2	1.008902.000.00.00.H46	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	UBND xã
3	1.008901.000.00.00.H46	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	UBND xã
29	LĨNH VỰC TÔN GIÁO CHÍNH PHỦ		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	1.001028.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	UBND xã
2	2.000509.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	UBND xã
3	1.001055.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	UBND xã
4	1.001090.000.00.00.H46	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	UBND xã
5	1.001109.000.00.00.H46	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	UBND xã
6	1.001098.000.00.00.H46	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	UBND xã
7	1.001085.000.00.00.H46	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	UBND xã
8	1.001078.000.00.00.H46	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	UBND xã
9	1.001167.000.00.00.H46	Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	UBND xã
10	1.001156.000.00.00.H46	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	UBND xã
30	LĨNH VỰC VĂN HÓA		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	1.003622.000.00.00.H46	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	UBND xã
2	1.000954.000.00.00.H46	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	UBND xã
3	1.001120.000.00.00.H46	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	UBND xã
31	LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	<u>1.010945.000.00.00.H46</u>	<u>Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã</u>	UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình

32	LĨNH VỰC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	1.000748.000.00.00.H46	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	UBND xã
2	2.000337.000.00.00.H46	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	UBND xã
3	2.000346.000.00.00.H46	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	UBND xã
4	1.000775.000.00.00.H46	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	UBND xã
5	2.000305.000.00.00.H46	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	UBND xã
33	LĨNH VỰC XỬ LÝ ĐƠN THU'		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	2.002501.000.00.00.H46	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	UBND cấp xã, phường, thị trấn - tỉnh Quảng Bình
34	LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	1.008838.000.00.00.H46	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	UBND xã
35	LĨNH VỰC DÂN SỐ- SỨC KHỎE SINH SẢN		
TT	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
1	2.001088.000.00.00.H46	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	UBND xã

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐẶC THÙ KHÔNG THỰC HIỆN
TIẾP NHẬN TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ

(Theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định 61/2018/NĐ-CP)

(Tổng số TTHC của UBND xã: 1 lĩnh vực, 7 thủ tục)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
UBND xã Quảng Tùng)*

TT	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công	Các cơ quan phối hợp xử lý (nếu là TTHC liên thông)
1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	1.000110.000.00.00.H46	
2	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	1.000094.000.00.00.H46	
3	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch	1.000593.000.00.00.H46	
4	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch	1.003583.000.00.00.H46	
5	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	1.004827.000.00.00.H46	
6	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch	1.000419.000.00.00.H46	
7	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	1.000080.000.00.00.H46	

PHỤ LỤC III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC ĐỐI TƯỢNG KHUYẾN
KHÍCH, HIỆN CHƯA TIẾP NHẬN TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ
(Tổng số TTHC của UBND xã: 0 lĩnh vực, 0 thủ tục)
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
UBND xã Quảng Tùng)

TT	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công	Các cơ quan phối hợp xử lý (nếu là TTHC liên thông)
Không có lĩnh vực khuyến khích				